

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ THỊ HẢI NGỌC

**TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ SẢN XUẤT,
CUNG ỨNG TRONG VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Chuyên ngành: LUẬT KINH TẾ

Mã số : 62.38.01.07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

Công trình được hoàn thành tại: Học viện khoa học xã hội –
Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS LÊ HỒNG HẠNH**

Phản biện 1: **PGS.TS Nguyễn Như Phát**

Phản biện 2: **PGS.TS Dương Đăng Huệ**

Phản biện 3: **TS Phạm Sỹ Chung**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học
viện họp tại Học viện khoa học xã hội – Viện Hàn lâm khoa học xã
hội Việt Nam.

Vào hồi.....giờ.....phút,
ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Học viện Khoa học xã hội
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quan hệ giữa người tiêu dùng (NTD) và nhà sản xuất, cung ứng (NSX, CU) luôn xuất hiện tình trạng không cân xứng về thông tin hàng hóa. NTD luôn ở vị thế bị động, thiếu hiểu biết về thông tin hàng hóa; còn NSX, CU luôn ở thế chủ động với hoạt động mang tính chuyên nghiệp cao. Thực tế hiện nay, quyền lợi của NTD bị xâm hại nghiêm trọng dưới nhiều hình thức và thủ đoạn tinh vi khác nhau liên quan đến trách nhiệm cung cấp thông tin CLHH, như: thông tin sai về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa qua việc “phù phép hàng nội thành hàng ngoại”; tụy ý biến đổi CLHH bằng cách ghi sai hàm lượng dinh dưỡng; quảng cáo, giới thiệu thổi phồng chức năng, công dụng CLHH; ghi sai nhãn mác; tẩy xóa nhãn mác về hạn sử dụng để lừa dối người tiêu dùng. Đặc biệt phổ biến nhất hiện nay là việc sử dụng các chất cấm độc hại trong bảo quản, chế biến thực phẩm gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, tính mạng NTD. Có thể thấy rằng *“Người tiêu dùng Việt Nam đang phải sống trong một môi trường không an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp bị vi phạm nghiêm trọng”*.

Nghiên cứu pháp luật Việt Nam hiện hành về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH, chúng ta thấy, các quy phạm pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH hóa nằm rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau; còn nội dung thì chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ NTD (còn thiếu một số qui định liên quan thông tin, một số qui định còn trùng lặp, mâu thuẫn, một số qui định còn chung chung, thiếu tính khả thi trên thực tế); Bên cạnh đó, các thiết chế của Nhà nước và phi Nhà nước còn yếu kém, có vai trò khá mờ nhạt trong việc thực hiện chức năng của mình. Do vậy, việc nâng cao “chất lượng” của pháp luật hiện hành về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH nhằm bảo vệ hữu hiệu quyền được thông tin của NTD là nhu cầu cấp bách đặt ra

hiện nay. Từ thực trạng trên cho thấy, việc nghiên cứu chuyên sâu về *“Trách nhiệm của nhà sản xuất, cung ứng trong việc cung cấp thông tin về chất lượng hàng hóa cho người tiêu dùng”* có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH và đánh giá thực tiễn việc thi hành pháp luật để đưa ra các định hướng, giải pháp thích hợp cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Đánh giá tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài; Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH cho NTD; Tham khảo pháp luật của một số nước trên thế giới để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH cho NTD.

Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành, qua đó đưa ra các định hướng và giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Là những vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về CLHH cho NTD theo pháp luật Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về lý luận*: Luận án tập trung nghiên cứu về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin CLHH cho NTD. Trách nhiệm trong luận án đề cập là *trách nhiệm pháp lý* (chứ không phải trách nhiệm xã hội). Thông tin về hàng hóa rất đa dạng và phong phú, song luận án chỉ đề cập

đến thông tin về *chất lượng hàng hóa* (chứ không phải thông tin về hàng hóa nói chung).

- Về *thực tiễn*, luận án chủ yếu tập trung vào nghiên cứu, đánh giá tính phù hợp, thống nhất và khả thi của các qui định pháp luật hiện hành về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về CLHH cho NTD. Trên cơ sở đó, dự báo những vấn đề pháp lý sẽ phát sinh và nhu cầu, định hướng hoàn thiện. Những nội dung liên quan đến thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật luận án cũng nghiên cứu nhưng giới hạn trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận: Phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phương pháp duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử được vận dụng nghiên cứu trong toàn bộ các chương của luận án.

4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Phương pháp hệ thống, phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp luật học so sánh, đối chiếu, phương pháp thống kê, phương pháp khảo sát.

5. Những điểm mới của luận án

Luận án làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH cho NTD theo pháp luật Việt Nam. Phân tích một cách có hệ thống các khái niệm và đặc điểm của: “Trách nhiệm của NSX, CU”; “thông tin về CLHH”; làm rõ vai trò, ý nghĩa của thông tin về CLHH;

Luận án phân tích từng khía cạnh liên quan đến nội dung trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH; Cung cấp thông tin, đánh giá một cách có hệ thống quy định của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về CLHH;

Luận án phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật; từ đó, chỉ rõ pháp luật nước còn nhiều hạn chế và việc thi hành pháp luật về trách nhiệm này còn nhiều bất cập và chưa thực sự hiệu quả.

Trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực tiễn, luận án đã xác định rõ định hướng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về CLHH.

6. Ý nghĩa của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH cho NTD.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các hoạt động nghiên cứu giảng dạy. Những định hướng và giải pháp được đề xuất có thể gợi mở cho các cơ quan quản lý, xây dựng pháp luật có những điều chỉnh để xây dựng các qui định pháp luật có khả năng thực thi cao hơn.

7. Kết cấu luận án: Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và danh mục các từ viết tắt, Luận án gồm 4 chương.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.1.1. Các nghiên cứu lý luận về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về chất lượng hàng hóa cho NTD

Nhóm 1: *Các công trình nghiên cứu về thông tin, thông tin hàng hóa:*

+ **Về thông tin**, có công trình “*Khái niệm của thông tin và các giá trị làm nên thuộc tính của thông tin*” của PGS.TS.NGUT Đoàn Phan Tân (2001), Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật; Công trình “*Sự phát triển của quyền tiếp cận thông tin trong pháp luật quốc tế và những vấn đề cơ bản cần quan tâm khi nghiên cứu Luật tiếp cận thông tin của tác giả Đỗ Đình Lương*” (2008), Viện Khoa học pháp lý. Các tác giả đã cho rằng: thông tin là một nhu cầu đối với con người và đối với xã hội và quyền tiếp cận thông tin là một quyền cơ bản của con người được thừa nhận rộng rãi trên thế giới.

+ **Về thông tin hàng hóa:** Theo Giáo trình “*Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*” của Trường Đại học Luật Hà Nội (2012) thì thông tin là một trong những yếu tố mà NTD quan tâm nhất khi mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ, là điều đặc biệt quan trọng trong giai đoạn trước khi NTD xác lập quan hệ tiêu dùng với NSX, CU.

Nhóm 2: *Các công trình nghiên cứu về quyền được thông tin về hàng hóa và chất lượng hàng hóa của NTD:* Công trình “*Pháp luật Việt Nam về quyền tiếp cận thông tin*” của Nguyễn Xuân Anh (2008), Viện Khoa học hình sự pháp lý đề cập trực tiếp tới vai trò quan trọng của thông tin trong đời sống. Công trình của Nguyễn thị Hòe (2007) về “*Bảo đảm quyền được cung cấp thông tin của người tiêu dùng nước ta hiện nay*” trong đề tài cấp Bộ của Viện nghiên cứu Quyền con người đã đề cập trực tiếp và phân tích các quy định của pháp luật liên quan đến quyền được cung cấp thông tin của NTD.

Nhóm 3: Các công trình nghiên cứu về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH cho NTD:

+ Về góc độ **trách nhiệm xã hội** của NSX, CU: “*Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*” của PGS.TS Nguyễn Như Phát (2011), Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 8; “*Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với quyền con người*”, Nguyễn Đức Minh (2010), Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 12... Các tác giả đề cập nội dung liên quan đến đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

+ Về góc độ **trách nhiệm pháp lý**: Luận án Tiến sĩ của Chu Đức Nhuận (2012) về “*Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với chất lượng sản phẩm, hàng hóa*” đã đề cập về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp, cơ sở phát sinh trách nhiệm, hình thức, phạm vi trách nhiệm. Công trình đề tài cấp Bộ “*Quảng cáo dưới góc độ cạnh tranh*” do TS. Đinh Thị Mỹ Loan chủ nhiệm (2008) đề cập tới những vấn đề chung về trách nhiệm quảng cáo trong nền kinh tế thị trường.

1.1.2. Các nghiên cứu thực tiễn về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về chất lượng hàng hóa cho NTD

Luận án Tiến sĩ kinh tế “*Tác động của việc thực thi Hiệp định quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam*” của Trần Thị Hồng Minh (2012) đã đưa ra thực trạng về nhãn mác của một số mặt hàng nông sản Việt Nam.

Công trình “*Thực trạng và hiệu quả áp dụng các chế tài hành chính nhằm bảo vệ người tiêu dùng của nước ta hiện nay*” của TS. Dương Anh Sơn tại Hội thảo “*Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng - kinh nghiệm quốc tế. Thực tiễn và triển vọng ở Việt Nam*” tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phân tích các qui định của pháp luật Việt Nam về chế tài hành chính, đánh giá thực trạng áp dụng các chế tài hành chính ở Việt Nam còn chưa hiệu quả, chưa đủ sức “*răn đe*” đối với những NSX, CU có hành vi xâm phạm về quyền lợi NTD.

1.1.3. Các đề xuất kiến nghị về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về chất lượng hàng hóa cho NTD

Công trình *“Hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay”*, luận án Tiến sĩ Luật học của Nguyễn Thị Thư (2013) đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ QLNTD ở Việt Nam;

Luận án Thạc sĩ của Lê Mai Anh (2016), *“Hoàn thiện pháp luật về nhãn hàng hóa trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay”* đã đưa ra các kiến nghị về phương hướng chung của việc hoàn thiện pháp luật về nhãn hàng hóa của Việt Nam là xây dựng các quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế.

1.1.4. Đánh giá về tình hình nghiên cứu

Qua nghiên cứu, có thể thấy, phần lớn các công trình khoa học về lĩnh vực này được công bố dưới hình thức các bài viết được đăng trên các Tạp chí chuyên ngành luật hoặc tham luận trong các hội thảo quốc gia và quốc tế. Do vậy, chưa giải quyết một cách thấu đáo, hệ thống tất cả các vấn đề pháp lí liên quan đến trách nhiệm của NSX, CU về thông tin hàng hóa cho NTD. Một số nội dung được công bố qua các công trình nghiên cứu như luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ, đề tài cấp Bộ...Tuy nhiên, các công trình này chỉ đề cập tới một số khía cạnh có liên quan như: quảng cáo, nhãn hàng hóa, trách nhiệm sản phẩm của doanh nghiệp...Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên chỉ đề cập đến một vấn đề nào đó của trách nhiệm cung cấp thông tin hàng hóa cho NTD.

Hiện nay chưa có công trình khoa học ở cấp độ Tiến sĩ nào nghiên cứu, đánh giá có hệ thống những vấn đề lí luận và thực tiễn thi hành pháp luật; trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU về thông tin CLHH cho NTD.

1.1.5. Những kết quả trong nghiên cứu mà luận án kế thừa và tiếp tục phát triển

Các nghiên cứu đã làm được những vấn đề sau:

- Các công trình đã đưa ra được khái niệm về “chất lượng hàng hóa”, “thông tin hàng hóa” và “trách nhiệm” của NSX, CU;
- Đã phân nào phân tích được các qui định của pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hóa;
- Các công trình ở mức độ nhất định cũng phân tích về thực trạng các hành vi vi phạm về quyền được thông tin của NSX, CU và đưa ra giải pháp hoàn thiện chung về bảo vệ quyền lợi NTD. Do vậy, ở mức độ nhất định, đề tài sẽ có sự tiếp thu, kế thừa những thành quả, các giá trị mà các nghiên cứu đã chỉ ra làm nền móng cho việc tiếp tục nghiên cứu đề tài của mình về lý luận cũng như thực tiễn.

1.1.6. Những vấn đề mà luận án cần tiếp tục triển khai nghiên cứu

Qua nghiên cứu cho thấy, còn tồn tại một số vấn đề sau:

1. Chưa có công trình nào nghiên cứu khái niệm thông tin CLHH là gì? và thông tin CLHH gồm những thông tin nào;
2. Chưa nghiên cứu một cách hệ thống thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin;
3. Chưa nghiên cứu một các hệ thống pháp luật thực định của một số quốc gia trên thế giới trong lĩnh vực này, từ đó so sánh với thực tiễn Việt Nam giúp chúng ta có nhìn nhận vấn đề khách quan, toàn diện và khoa học để hoàn thiện khung pháp lý về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH đối với NTD.

Luận án cần làm sáng tỏ các quy định pháp luật có tính chất bảo vệ quyền được thông tin cho NTD. Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về trách nhiệm cung cấp thông tin CLHH của NSX, CU; những vấn đề còn hạn chế thiếu sót, chưa phù hợp, những vướng mắc bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả sẽ đưa ra

các định hướng và giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin CLHH của NSX, CU.

1.2. Cơ sở lý thuyết và hướng tiếp cận nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết “*Kinh tế có điều tiết*” về nền kinh tế có sự can thiệp mạnh của Nhà nước vào nền kinh tế thị trường; *Lý thuyết về mối liên hệ* biện chứng giữa NSX, CU với NTD; *Lý thuyết về “Quyền tự nhiên của con người”* trong đó có quyền được thông tin, quyền được đảm bảo an toàn khi tiêu thụ những sản phẩm hàng hóa vì nhu cầu cuộc sống; *Lý thuyết về “Thông tin bất cân xứng”* thể hiện ở sự không đối xứng về thông tin trong quan hệ giữa NSX, CU với NTD; *Lý thuyết “Công lý”* bảo vệ kẻ yếu trong mối tương quan với kẻ mạnh.

1.2.2. Hướng tiếp cận nghiên cứu

Luận án sẽ kế thừa có chọn lọc trên cơ sở phân tích, đánh giá các kết quả đã nghiên cứu; từ đó, đưa ra những quan điểm của tác giả về vấn đề nghiên cứu. Cùng với việc nghiên cứu pháp luật hiện hành về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH, luận án sẽ xem xét quá trình thực hiện những quy định này trong thực tiễn để từ đó có những nhận xét, đánh giá về các quy định của pháp luật, làm tiền đề cho các giải pháp cụ thể trong việc thi hành pháp luật. Đề tài tiếp cận trên cơ sở các tài liệu, thông tin thứ cấp thông qua báo cáo của Cục Quản lý cạnh tranh (Bộ Công thương); Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế), Báo cáo của Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ), Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng;

1.2.3. Khung phân tích để làm rõ lý thuyết

Câu hỏi nghiên cứu 1: Quan niệm như thế nào thông tin về CLHH? Đặc điểm và vai trò của thông tin CLHH trong nền kinh tế thị trường của Việt Nam hiện nay?

Câu hỏi nghiên cứu 2: Vì sao phải đặt ra trách nhiệm của cung cấp

thông tin CLHH đối với NSX, CU? Trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH là gì? Đặc điểm và nội dung của pháp luật về trách nhiệm pháp lý của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH được thể hiện như thế nào?

Câu hỏi nghiên cứu 3: Thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam và thực tiễn thi hành pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH như thế nào?

Câu hỏi nghiên cứu 4: Những định hướng nào cho việc hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH và có những giải pháp cơ bản nào nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin CLHH?

Chương 2
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM
CỦA NHÀ SẢN XUẤT, CUNG ỨNG TRONG VIỆC CUNG CẤP
THÔNG TIN VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA CHO
NGƯỜI TIÊU DÙNG

2.1. Khái quát về trách nhiệm cung cấp thông tin chất lượng hàng hóa của NSX, CU trong điều kiện kinh tế thị trường

2.1.1 Tổng quan về thông tin chất lượng hàng hóa

2.1.1.1. Khái niệm thông tin chất lượng hàng hóa: Tác giả đã đưa ra khái niệm thông tin CLHH qua việc làm rõ khái niệm, vai trò của “thông tin” và “chất lượng hàng hóa”. Trên cơ sở phân tích nội dung hai khái niệm này, khái niệm “**Thông tin chất lượng hàng hóa** được hiểu là “những tin tức cụ thể mà NSX, CU cung cấp được thể hiện dưới dạng chữ cái, từ ngữ, màu sắc, kí hiệu, hình ảnh về đặc tính của hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng nhằm giúp NTD có sự lựa chọn và sử dụng phù hợp với điều kiện của mình”.

2.1.1.2. Đặc điểm của thông tin chất lượng hàng hóa: Đó là: (1) Là khả năng cung cấp các tin tức cần thiết về đặc tính của hàng hóa, cho NTD; (2) Thông tin CLHH chỉ được thực hiện bởi các NSX, CU hàng hóa; (3) Thông tin CLHH được thể hiện dưới nhiều hình thức và cách thức khác nhau; (4) Thông tin CLHH phải đáp ứng được yêu cầu về chất lượng của thông tin.

2.1.1.3. Vai trò, ý nghĩa của thông tin về chất lượng hàng hóa: Thông tin CLHH có ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Cụ thể: *Vai trò cung cấp thông tin và định hướng hành vi cho NTD; Vai trò tạo ra lợi thế cạnh tranh, nâng cao uy tín trên thương trường đối với NSX, CU; Vai trò nâng cao hiệu quả quản lí của cơ quan quản lí Nhà nước trong việc quản lí các hoạt động cung cấp thông tin hàng hóa; Vai trò tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh trong nền kinh tế thị trường; Vai trò*

thúc đẩy phát triển kinh tế;

2.1.1.4. Quyền của người tiêu dùng được thông tin về CLHH: Quyền của NTD xuất phát từ quyền con người. Nội dung quyền thông tin của NTD được hiểu là quyền được cung cấp các thông tin cần thiết, trung thực, chính xác, đầy đủ về CLHH để NTD có sự lựa chọn và sử dụng hàng hóa phù hợp với điều kiện của mình.

2.1.2. Trách nhiệm cung cấp thông tin chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất, cung ứng trong điều kiện kinh tế thị trường

Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà ở đó các quan hệ kinh tế đều được thực hiện trên thị trường, thông qua quá trình trao đổi, mua bán. Kinh tế thị trường một mặt đem lại cho NTD nhiều sự lựa chọn hơn, nhưng mặt khác, NTD cũng đứng trước nguy cơ về việc sử dụng những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, an toàn đặc biệt là đối với thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường như vậy, cần nâng cao hơn nữa trách nhiệm của NSX, CU về thông tin CLHH đối với NTD.

2.2. Trách nhiệm của nhà sản xuất, cung ứng cung cấp thông tin CLHH cho người tiêu dùng theo quy định của pháp luật

2.2.1. Khái niệm và đặc điểm trách nhiệm của nhà sản xuất, cung ứng cung cấp thông tin CLHH cho NTD

2.2.1.1. Khái niệm

Trên cơ sở phân tích khái niệm trách nhiệm theo hai nghĩa: tiêu cực và tích cực, tác giả đưa ra khái niệm ban đầu về trách nhiệm cung cấp thông tin CLHH, theo đó trách nhiệm này được hiểu là “*Nghĩa vụ của NSX, CU cung cấp các thông tin về CLHH cho NTD trong quá trình kinh doanh và phải chịu hậu quả bất lợi khi không tuân thủ qui định pháp luật*”

2.2.1.2. Đặc điểm. Bao gồm các đặc điểm sau:

- Là trách nhiệm được pháp luật qui định;
- Là trách nhiệm phát sinh trong việc cung cấp thông tin CLHH cho NTD;

- là trách nhiệm có xu hướng bất lợi đối với NSX, CU và tùy thuộc vào hành vi vi phạm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH mà họ phải chịu các chế tài khác nhau;

- Trách nhiệm được qui định trong nhiều văn bản pháp luật.

2.2.1.3. Phân biệt trách nhiệm pháp lí với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Qua nghiên cứu, tác giả đã phân tích khái niệm, đặc điểm của từng loại trách nhiệm và chỉ rõ những điểm khác biệt của hai loại trách nhiệm này. Đó là khác biệt về bản chất trách nhiệm, về nội dung và về cơ chế áp dụng trách nhiệm.

2.2.2. Sự cần thiết phải quy định trách nhiệm của nhà sản xuất, cung ứng trong việc cung cấp thông tin chất lượng hàng hóa cho người tiêu dùng dưới góc độ pháp luật

Điều này xuất phát từ yêu cầu về lí luận và thực tiễn của Việt Nam và thể hiện qua các nội dung sau:

- Nhằm đảm bảo thực hiện quyền con người, trong đó có quyền đảm bảo thông tin về CLHH của NTD;

- Nhằm xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, văn minh điều chỉnh hành vi của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH cho NTD;

- Đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

2.2.3. Nội dung pháp luật quy định trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH cho NTD

2.2.3.1. Chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin: Chủ thể chịu trách nhiệm cung cấp thông tin chính là *Nhà sản xuất, cung ứng hàng hóa*. Tác giả nghiên cứu một số quy định trên thế giới và phân tích cụ thể về khái niệm “Nhà sản xuất, cung ứng”.

2.2.3.2. Đối tượng được cung cấp thông tin chất lượng hàng hóa thông tin là Người tiêu dùng: Tác giả nghiên cứu pháp luật của một số nước

như: Hoa kì, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Indonexia, Malaixia, Trung quốc... Qua đó, cho thấy, pháp luật của các nước ghi nhận khái niệm “*Người tiêu dùng*” có thể chỉ là cá nhân hoặc bao gồm cả cá nhân và tổ chức.

1. 2.2.3.3. *Các thông tin NSX, CU phải cung cấp cho NTD*: là các thông tin liên quan đến đặc tính hàng hóa như: xuất xứ của hàng hóa; định lượng hàng hóa, thành phần định lượng; thông số kỹ thuật, thông tin, cảnh báo vệ sinh, an toàn.

2.2.3.4. *Yêu cầu đối với thông tin cung cấp*: thông tin phải kịp thời, đầy đủ, chính xác trung thực và có tính phòng ngừa rủi ro cho người tiêu dùng.

2.2.3.5. *Phương thức cung cấp thông tin*: được thể hiện qua việc công bố chất lượng hàng hóa, qua ghi nhãn hàng hóa và qua hoạt động quảng cáo chất lượng hàng hóa.

2.2.3.6. *Hậu quả pháp lí của việc vi phạm trách nhiệm cung cấp thông tin*: NTD có quyền khiếu nại đến chính NSX, CU đã có hành vi vi phạm; có quyền tố cáo hành vi vi phạm; có quyền khởi kiện tại Tòa án hoặc cơ quan Trọng tài. NSX, CU phải gánh chịu các chế tài của pháp luật tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm trách nhiệm cung cấp thông tin CLHH.

.2.3. Pháp luật của một số nước trên thế giới về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về CLHH cho NTD

Tác giả đã nghiên cứu pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin của một số nước như: Pháp, Canada, Đài Loan, Malayxia...và những định hướng, khuyến nghị của một số Tổ chức Quốc tế bảo vệ người tiêu dùng. Trên cơ sở đó, tác giả đã xác định trách nhiệm của Việt Nam trong việc xây dựng và tham khảo kinh nghiệm xây dựng pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin CLHH của NSX, CU để hoàn thiện các quy định của pháp luật về cung cấp thông tin CLHH là rất cần thiết

Chương 3

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ SẢN XUẤT, CUNG ỨNG TRONG VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

3.1. Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm của nhà sản xuất, cung ứng trong việc cung cấp thông tin về CLHH cho NTD

3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

3.1.1.1. Giai đoạn trước khi có Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (BVQLNTD): Giai đoạn này, trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH đã được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp như: Pháp lệnh BVQLNTD 1999; Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa năm 1999; Pháp lệnh đo lường năm 1999, Pháp lệnh về Quảng cáo năm 2001, Pháp lệnh về An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản. Các văn bản trên đều có ghi nhận nội dung về quyền được thông tin về CLHH cho NTD. Tuy nhiên, các văn bản cũng mới quy định một cách khái quát, chung chung, ít có tính khả thi trong thực tế

3.1.1.2. Giai đoạn sau khi có Luật BVQLNTD: Luật BVQLNTD 2010 đã ra đời và tạo ra khung pháp lý chặt chẽ và đầy đủ hơn trong việc bảo vệ NTD, đã xác định rõ hơn trách nhiệm của NSX, CU. Bên cạnh đó, một loạt các văn bản pháp luật khác có liên quan đến bảo vệ NTD cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp như: Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2012, Luật Quảng cáo năm 2012, Luật Đo lường năm 2013...

3.1.2. Qui định của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin CLHH cho NTD

3.1.2.1. Qui định về chủ thể cung cấp thông tin: Tác giả nghiên cứu và phân tích khái niệm theo Luật thương mại 2005 (sử dụng thuật ngữ chung là “Thương nhân”), Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007 (sử dụng

thuật ngữ “Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh”). Qua đó, cho thấy trong các văn bản pháp lý và trong từ điển Tiếng Việt, khái niệm “*Nhà sản xuất*” chưa được đề cập.

3.12.2. Qui định về *hàng hóa phải cung cấp thông tin*: Qua nghiên cứu Luật thương mại 2005 và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007 có thể thấy: (1) Khái niệm hàng hóa trong các văn bản pháp luật hiện hành chưa thống nhất. (2) Việc cung cấp thông tin về CLHH phải theo qui định pháp luật đối với từng loại hàng hóa.

3.1.2.3. Qui định về *các thông tin CLHH mà NSX, CU phải cung cấp*: (1) *Xuất xứ hàng hóa*: Nghị định 89/2006 qui định việc cung cấp thông tin CLHH bắt buộc phải ghi xuất xứ hàng hóa. (2) *Ghi định lượng hàng hóa*: Nghị định số 89/2006/NĐ-CP đưa ra một số yêu cầu cụ thể về ghi định lượng trên nhãn hàng hóa; (3) *Thành phần, thành phần định lượng*: Pháp luật qui định, NSX, CU phải ghi tên thành phần, thành phần định lượng của hàng hóa. Ghi thành phần là ghi tên nguyên liệu kể cả chất phụ gia dùng để sản xuất ra hàng hoá và tồn tại trong thành phẩm kể cả trường hợp hình thức nguyên liệu đã bị thay đổi. Ghi thành phần định lượng là ghi thành phần kèm định lượng của từng thành phần. (4) *Ngày sản xuất, hạn sử dụng, hạn bảo quản*: Cách ghi này được quy định cụ thể như sau: Ngày sản xuất, hạn sử dụng, hạn bảo quản được ghi theo thứ tự ngày, tháng, năm của năm dương lịch. (5) *Cách ghi thông số kỹ thuật, thông tin, cảnh báo vệ sinh, an toàn*: Nghị định số 89/2006/NĐ-CP quy định cụ thể đối với từng loại hàng hóa.

3.1.2.4. Qui định về *yêu cầu cung cấp thông tin*: đó là thông tin phải đầy đủ, trung thực và chính xác. Nghĩa là, NSX, CU phải cung cấp tất cả các thông tin mà pháp luật quy định phải được thể hiện trên nhãn hàng hóa một cách rõ ràng, cụ thể, không gây nhầm lẫn.

3.1.2.5. Qui định về *phạm vi trách nhiệm của NSX, CU thông tin*: NSX, CU nếu không tuân thủ trách nhiệm cung cấp thông tin CLHH thì phải chịu

trách nhiệm do hành vi vi phạm của mình. Trường hợp, NSX, CU cung cấp đầy đủ các nội dung thông tin theo qui định của pháp luật nhưng NTD không đọc hoặc đọc không kỹ hoặc sử dụng sai hướng dẫn sử dụng gây thiệt hại thì NTD phải tự chịu trách nhiệm.

3.1.2.6. Qui định phương thức cung cấp thông tin cho NTD: gồm các phương thức cơ bản sau: *Cung cấp thông tin qua việc công bố tiêu chuẩn CLHH:* Việc công bố tiêu chuẩn áp dụng phải phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật. Quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người và bảo vệ những lợi ích khác; *Cung cấp thông tin qua việc ghi nhãn hàng hóa:* Việc ghi nhãn phải tuân theo qui định về phân loại hàng hóa phải ghi nhãn, *trách nhiệm thực hiện ghi nhãn*, nội dung ghi nhãn bắt buộc; *Cung cấp qua quảng cáo hàng hóa:* Pháp luật qui định cụ thể về phương tiện quảng cáo; nội dung quảng cáo, yêu cầu quảng cáo; về nghĩa vụ của NSX, CU khi quảng cáo. Bên cạnh đó, pháp luật còn quy định về *trách nhiệm của bên thứ ba* (như các đơn vị truyền thông, các công ty quảng cáo...) *trong việc cung cấp thông tin CLHH cho NTD.*

*3.1.2.7. Hậu quả pháp lí của trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH:*Theo Luật BVQLNTD 2010, NTD có quyền khiếu nại, tố cáo, yêu cầu bồi thường đối với NSX, CU, quyền khởi kiện ra Tòa án hoặc Trọng tài. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà pháp luật qui định chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm quyền được thông tin của NTD. Gồm: chế tài hành chính, chế tài dân sự và chế tài hình sự.

3.2. Thực tiễn thi hành pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH cho người tiêu dùng

Trong thời gian qua, việc thi hành pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH cho NTD còn nhiều hạn chế. Thực tiễn cho thấy, NSX, CU lúc nào cũng đưa ra thông tin CLHH là “an toàn”, “bảo đảm chất lượng”, là “uy tín”. Nhưng thực tế, tình trạng hàng hóa kém chất lượng

vẫn tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và tiêu dùng; tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng hay tình trạng cung cấp thông tin gian dối, tẩy xóa nhãn mác, xuất xứ hàng hóa; thói phồng chức năng, công dụng hàng hóa vẫn đang xâm phạm nghiêm trọng QLNTD. Tác giả nghiên cứu và phân tích cụ thể thực tiễn thi hành pháp luật qua các số liệu thống kê của Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế; qua các Báo cáo tổng kết của Cục quản lý cạnh tranh, Cục Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý Thị trường Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và qua một số vụ việc cụ thể để làm sáng tỏ nội dung (Vụ Công ty Cổ phần Tập đoàn điện lạnh điện máy Việt Úc cung cấp thông tin CLHH lừa dối NTD, Vụ “Vòng Titan - Quan Âm” thói phồng chức năng, công dụng hàng hóa, Vụ Công ty TNHH Electrolux quảng cáo gian dối về dòng máy giặt cửa trên T-Drive...)

3.3. pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH cho NTD ở Việt Nam

3.3.1. Những ưu điểm của pháp luật và kết quả của việc thi hành pháp luật

- *Những ưu điểm của pháp luật:* Pháp luật hiện hành đã được sửa đổi, bổ sung và thay thế qua từng giai đoạn để phù hợp hơn với điều kiện phát triển của đất nước; Pháp luật đã đưa ra khái niệm về hàng hóa; CLHH; chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin; yêu cầu, phương thức cung cấp thông tin; phạm vi trách nhiệm, nội dung trách nhiệm và hậu quả của trách nhiệm cung cấp thông tin. Những quy định trên đã phân nào tạo ra khuôn khổ pháp lý đồng bộ nhằm nâng cao trách nhiệm của NSX, CU cũng như trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền thông tin cho NTD.

- *Những kết quả đạt được trong việc thi hành pháp luật:* Quá trình thực hiện pháp luật về nội dung này cho thấy, về cơ bản pháp luật Việt Nam đã phân nào đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế. Qui định của pháp luật đã góp phần nâng cao ý thức và sự tuân thủ pháp luật của NSX, CU; nâng cao nhận thức cho NTD về quyền được thông tin về hàng hóa và

trách nhiệm quản lí của cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội.

3.3.2. Những hạn chế, bất cập của pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin CLHH cho NTD

Một số hạn chế của pháp luật đó là: Các quy định về khái niệm hàng hóa trong các văn bản pháp luật hiện hành chưa thống nhất; Khái niệm “thông tin về chất lượng hàng hóa” chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn quy định cụ thể (thông tin CLHH là gì, gồm những nội dung gì?) Quy định về ghi nhãn hàng hóa theo Nghị định 89/2006/NĐ-CP còn nhiều hạn chế; Quy định về xử lý vi phạm các hành vi vi phạm trách nhiệm thông tin CLHH chưa hợp lý; Còn có sự chồng chéo về quy định cung cấp thông tin nhất là trong hoạt động quảng cáo thông tin CLHH; Quy định không cụ thể về thẩm quyền quản lý việc cung cấp thông tin về hàng hóa trong hoạt động quảng cáo và cơ chế phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý;

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

Những hạn chế, tồn tại trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, đó là:

- Nguyên nhân từ phía các quy định của pháp luật;
- Nguyên nhân từ phía cơ quan nhà nước;
- Nguyên nhân từ ý thức chấp hành pháp luật NSX, CU;
- Nguyên nhân từ phía nhận thức của NTD.

Chương 4

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ SẢN XUẤT, CUNG ỨNG TRONG VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

4.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về chất lượng hàng hóa cho người tiêu dùng

Những định hướng này được xác định trên cơ sở sau: (1) Việc cung cấp thông tin về CLHH cho NTD là *trách nhiệm quan trọng của NSX, CU* trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta và phải coi đó là trách nhiệm cụ thể của NSX, CU; (2) *Xác định các quy định của pháp luật* về đảm bảo quyền thông tin về CLHH luôn được xây dựng trên nguyên tắc ưu tiên lợi thế cho NTD xuất phát từ vị trí yếu thế, "bất cân xứng" về thông tin trong mối quan hệ với NSX, CU; (3) *Hoàn thiện pháp luật* phải bắt đầu từ việc rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (4) *Hoàn thiện pháp luật* phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của quốc tế; (5) *Hoàn thiện pháp luật* phải đi kèm với nâng cao khả năng tự bảo vệ của chính bản thân NTD.

4.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về CLHH cho NTD

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật.

Bao gồm: (1) Hoàn thiện và thống nhất *khái niệm "Hàng hóa"* trong các văn bản pháp luật hiện hành; (2) Qui định *khái niệm "Thông tin chất lượng hàng hóa"* theo hướng quy định cụ thể thông tin chất lượng hàng hóa là gì, bao gồm những thông tin nào? (3) *Mở rộng đối tượng* chịu trách nhiệm pháp lý là các đối tượng kinh doanh như bán hàng rong, quà vặt,

quán cơm bình dân... để ngăn chặn triệt để vi phạm; (4) Sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về *ghi nhãn hàng hoá*; (5) Cần có quy định thống nhất về trách nhiệm cung cấp thông tin trong *hoạt động quảng cáo*; (6) Quy định *trách nhiệm công bố thông tin* chính xác kịp thời cho NTD của các cơ quan Nhà nước; (7) Cần *quy định cụ thể về thẩm quyền quản lý* về trách nhiệm của NSX, CU trong việc cung cấp thông tin về CLHH và cơ chế phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý (8) *Xây dựng chế tài xử phạt nặng tay* hơn nữa đối với các hành vi vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin về CLHH của NSX, CU để đủ tính răn đe.

4.2.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật

Gồm các nhóm giải pháp:

Thứ nhất, nâng cao trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH cho NTD qua việc tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến luật pháp; các biện pháp thanh tra, kiểm tra việc thực thi pháp luật, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm;

Thứ hai, nâng cao năng lực thực thi pháp luật cho cán bộ các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ QLNTD: kiện toàn bộ máy, tăng cường năng lực cho thanh tra, kiểm tra...

Thứ ba, nâng cao khả năng tự bảo vệ của chính bản thân NTD qua việc trang bị kiến thức pháp luật và kỹ năng khi mua sắm và sử dụng hàng hóa.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH là một nội dung quan trọng. Pháp luật Việt Nam đã có những quy định về vấn đề này, tuy nhiên, các quy định còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa thực sự là một công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền được thông tin của người tiêu dùng. Do vậy, cần phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật. Để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, cần có định hướng và giải pháp cụ thể hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về trách nhiệm của NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH cho NTD. Hướng hoàn thiện pháp luật phải nhất quán với các quan điểm của Đảng và Hiến pháp, phù hợp với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Giải pháp đặt ra là bên cạnh việc hoàn thiện những bất cập các quy định của pháp luật thì cần nâng cao năng lực, nhận thức của các chủ thể có liên quan trong việc bảo vệ quyền thông tin của NTD.

Luận án nghiên cứu có hệ thống các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn, chỉ ra những hạn chế của pháp luật về trách nhiệm NSX, CU cung cấp thông tin về CLHH để từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Luận án góp một phần nhỏ vào việc làm sáng tỏ cơ sở lý luận và bảo đảm quyền được thông tin của NTD, hạn chế vị thế “bất cân xứng” về thông tin giữa NSX, CU với NTD trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

I. DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

2. ThS. Lê thị Hải Ngọc (2014), *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sau ba năm đi vào cuộc sống*, **Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số tháng 7/2014**; Tr.50 - 53;
3. ThS. Lê thị Hải Ngọc (2015), *Thông tin hàng hóa mà cá nhân, tổ chức kinh doanh có trách nhiệm cung cấp cho người tiêu dùng*, **Tạp chí Pháp luật và Phát triển, Số 3/2015**; Tr.49 -52;
4. ThS.Lê thị Hải Ngọc (2016), *Các khía cạnh pháp lý của thông tin về chất lượng hàng hóa*, **Tạp chí Pháp luật và Phát triển, Số 1+2/2016**; Tr 44 - 47;

II. DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ ĐỀ CẬP ĐẾN ĐỀ TÀI

5. ThS. Lê thị Hải Ngọc (2012), *Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học “Hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn hội nhập Kinh tế -Quốc tế”, Khoa Luật - Đại học Huế tháng 12/2012; Tr.158 - 160;
6. ThS. Lê thị Hải Ngọc (2014), *Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh đối với người tiêu dùng trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa theo pháp luật Việt Nam*”, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học “Hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn hội nhập Kinh tế - Quốc tế”, Trường Đại học Luật - Đại học Huế tháng 11/2014, Tr.189 -198;
7. ThS. Lê thị Hải Ngọc (2015), *Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thực trạng áp dụng và giải pháp hoàn thiện*, Bản tin Sở Tư pháp Tỉnh Thừa Thiên Huế, số 55/2015; Tr.14 -18;
8. ThS. Lê thị Hải Ngọc (2015), *Nâng cao hiệu quả thực thi Luật Bảo vệ quyền lợi Người tiêu dùng Việt Nam*, Bài tham luận tại Hội thảo Khoa học Quốc tế của Viện FES tại Huế tháng 3/2015; Tr.1-12;
9. ThS. Lê thị Hải Ngọc (2015), Tài liệu học tập, Chuyên đề: *Pháp luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Trường Đại học Luật, Đại học Huế (63 trang).